

Số: 05/2013/QĐ-HĐQT

TP.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

“V/v: Ban hành quy chế quản lý tài chính”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Phát Đạt ngày 16/4/2011;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Ban hành Quy chế quản lý tài chính nhằm đảm bảo cho hoạt động tài chính của Công ty mang lại hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc và Trưởng các bộ phận có liên quan của Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Phát Đạt chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN ĐẠT

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu Tájé Công ty



PHATDAT
CORPORATION
Real Estate Development

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

(Ban hành kèm theo Quyết định của Hội đồng Quản trị
số **05**./2013/QĐ-HĐQT ngày **28**./**10**/2013)

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY **28.. THÁNG **10**.. NĂM 2013**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1: Đối tượng, phạm vi áp dụng.....	3
Điều 2: Định nghĩa và thuật ngữ.....	3
Điều 3: Tư cách Pháp nhân.....	3
Điều 4: Nguyên tắc quản lý tài chính.....	4
Điều 5: Kế hoạch tài chính.....	4
CHƯƠNG II.....	4
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN.....	4
Điều 6: Các nguồn vốn hoạt động.....	4
Điều 7: Vốn điều lệ.....	5
Điều 8: Sử dụng vốn, tài sản.....	5
Điều 9: Quản lý và sử dụng vốn huy động.....	5
Điều 10: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết.....	6
Điều 11: Nhượng bán phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.....	6
Điều 12: Tài sản của Công ty - Đầu tư, mua sắm tài sản của Công ty.....	6
Điều 13: Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định.....	6
Điều 14: Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản.....	7
Điều 15: Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.....	8
Điều 16: Quản lý các khoản nợ phải thu.....	8
Điều 17: Kiểm kê, đánh giá lại tài sản.....	8
Điều 18: Xử lý khi bị tổn thất về tài sản.....	8
CHƯƠNG III.....	9
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH.....	9
Điều 19: Doanh thu.....	9
Điều 20: Nguyên tắc xác định doanh thu.....	9
Điều 21: Chi phí.....	10
Điều 22: Nguyên tắc chi và quản lý chi phí.....	11
Điều 23: Phân phối lợi nhuận.....	12
Điều 24: Nguyên tắc sử dụng các Quỹ.....	13
CHƯƠNG IV.....	14
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN.....	14
Điều 25: Chế độ kế toán, thống kê.....	14
Điều 26: Báo cáo tài chính.....	14
CHƯƠNG V.....	15
TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	15
Điều 27: Trách nhiệm của HĐQT.....	15
Điều 28: Trách nhiệm của Tổng Giám đốc.....	15
CHƯƠNG VI.....	16
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 29: Hiệu lực thi hành.....	16
Điều 30: Trách nhiệm thi hành và việc sửa đổi Quy chế.....	16

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng, phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này quy định về công tác quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), nhằm đảm bảo cho hoạt động tài chính của Công ty mang lại hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật;
- 1.2 Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý tài chính trong toàn hệ thống của Công ty, bao gồm:
 - a. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản;
 - b. Quản lý doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận và các quỹ;
 - c. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và công khai tài chính.
- 1.3 Công ty có các đơn vị là các Phòng, Ban, các Chi nhánh và Sàn giao dịch bất động sản trực thuộc (gọi tắt là đơn vị) được Công ty giao tài sản, tiền vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh. Các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý tốt tài sản, vật tư, tiền của Công ty;
- 1.4 Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

Điều 2: Định nghĩa và thuật ngữ

- 2.1 “Công ty con” là doanh nghiệp do Công ty đầu tư nắm giữ trên 51% vốn điều lệ hoặc số lượng cổ phần chi phối hoặc có quyền kiểm soát;
- 2.2 “Công ty liên kết” là doanh nghiệp do Công ty góp vốn đầu tư nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc số lượng cổ phần chi phối và không có quyền kiểm soát.
- 2.3 “Người có liên quan” là tổ chức hoặc cá nhân có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.
- 2.4 “Hội đồng quản trị” (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.
- 2.5 “Ban điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- 2.6 “Ban Kiểm soát” do Đại hội Cổ đông bầu ra để giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội Cổ đông;
- 2.7 “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- 2.8 “Công ty” là Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động sản Phát Đạt,

Điều 3: Tư cách Pháp nhân

- 3.1 Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động sản Phát Đạt là Công ty cổ phần thành lập hợp pháp tại Việt Nam, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép thực hiện các loại hình kinh doanh sau:

- Xây dựng mua bán nhà ở, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán hàng trang trí nội thất, thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, hàng kim khí điện máy;
- Tư vấn, đấu giá, định giá, quản lý bất động sản;
- Hoạt động tư vấn đầu tư, lập dự án (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, cao lanh;
- ...

3.2 Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, với vốn điều lệ là 1.302 tỷ đồng.

Điều 4: Nguyên tắc quản lý tài chính

Quy chế quản lý tài chính của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc:

- 4.1 Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước;
- 4.2 Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của Pháp luật;
- 4.3 Bảo đảm tính minh bạch;
- 4.4 Bảo đảm kiểm soát chặt chẽ tài chính của Công ty;
- 4.5 Mọi phân cấp thẩm quyền quyết định tài chính đều phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Sau đây viết tắt là Điều lệ).
- 4.6 Các Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc, chịu sự phân cấp, kiểm tra và giám sát về chế độ tài chính của Văn phòng chính Công ty.

Điều 5: Kế hoạch tài chính

- 5.1 HĐQT trình Đại hội Cổ đông thông qua chỉ tiêu kế hoạch tài chính hàng năm (doanh thu, lợi nhuận,...).
- 5.2 Tổng Giám đốc triển khai các chỉ tiêu kế hoạch tài chính chi tiết để thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 5.3 Những khoản chi tiêu chưa được xác định trong Kế hoạch tài chính hoặc trong các định mức chi tiêu, thì do Tổng Giám đốc phê duyệt theo thẩm quyền.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN

Điều 6: Các nguồn vốn hoạt động

- 6.1 Vốn điều lệ.
- 6.2 Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

- 6.3 Vốn huy động theo các hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay các tổ chức trong và ngoài nước, nhận góp vốn liên kết và các hình thức khác.
- 6.4 Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ cho các Quỹ.
- 6.5 Các loại vốn khác theo quy định của Pháp luật.

Việc hình thành, huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn của Công ty phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước đối với Công ty cổ phần.

Điều 7: Vốn điều lệ

- 7.1 Trong quá trình hoạt động, Công ty phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định và phải công bố công khai số vốn điều lệ mới khi có sự thay đổi theo quy định của Pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty được sử dụng vào các mục đích:

- a. Đầu tư vào các dự án phát triển bất động sản;
 - b. Mua, đầu tư vào các tài sản cố định;
 - c. Góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước;
 - d. Kinh doanh theo quy định của Pháp luật.
- 7.2 Trong quá trình kinh doanh, khi cần thiết, Công ty có thể tăng giảm vốn điều lệ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định khác liên quan và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
 - 7.3 HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm lập phương án tăng giảm vốn điều lệ Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - 7.4 Công ty tăng vốn điều lệ dưới các hình thức sau:
 - a. Phát hành và bán thêm cổ phiếu mới.
 - b. Dùng các quỹ thuộc vốn sở hữu, lợi nhuận giữ lại chuyển thành cổ phần cho các cổ đông hoặc chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.

Điều 8: Sử dụng vốn, tài sản

- 8.1 Công ty thực hiện việc quản lý vốn theo nguyên tắc tập trung, thống nhất và được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản theo quy định của Pháp luật, bảo đảm nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
- 8.2 Công ty được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

Điều 9: Quản lý và sử dụng vốn huy động

- 9.1 Vốn vay ngân hàng: Tổng Giám đốc Công ty được phép vay vốn ngân hàng để thực hiện các kế hoạch đầu tư, kinh doanh của Công ty sau khi có Quyết định chấp thuận của HĐQT. HĐQT sẽ quyết định hạn mức và thời gian vay.
- 9.2 Phát hành trái phiếu:
 - a. HĐQT đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi.
 - b. HĐQT quyết định giá chào bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi chuyển đổi;

Điều 10: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết

- 10.1 HĐQT Công ty lập phương án trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trường hợp sử dụng vốn từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất để tham gia góp vốn, liên doanh, liên kết với các thể nhân, pháp nhân và các tổ chức kinh doanh khác;
- 10.2 HĐQT Công ty quyết định sử dụng dưới 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất để tham gia góp vốn, liên doanh, liên kết với các thể nhân, pháp nhân và các tổ chức kinh doanh khác.

Điều 11: Nhượng bán phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết

- 11.1 Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác. Thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng này như quy định tại điểm 12.2;
- 11.2 Đối với vốn đầu tư tại các Doanh nghiệp khác, việc chuyển nhượng, vốn đầu tư của Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Doanh nghiệp này. Việc nhượng bán cổ phần hay số vốn đầu tư vào Doanh nghiệp khác thực hiện theo giá thị trường.

Điều 12: Tài sản của Công ty - Đầu tư, mua sắm tài sản của Công ty

- 12.1 Tài sản của Công ty bao gồm tài sản lưu động, các khoản đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn khác.
- 12.2 Thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp và sửa chữa tài sản cố định thực hiện theo quy định sau:
 - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án có tổng mức đầu tư từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất.
 - b. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT Công ty quyết định các dự án có tổng mức đầu tư dưới 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất.
- 12.3 Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp tài sản cố định thực hiện theo quy định về quản lý công tác đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp tài sản cố định của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
- 12.4 Việc đầu tư mua sắm tài sản phải có hoặc đảm bảo có nguồn vốn dài hạn tài trợ, Công ty không được đầu tư mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn ngắn hạn hoặc chiếm dụng ngắn hạn.
- 12.5 Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý, kiểm soát dự án về tiến độ, chất lượng và các dự án về đầu tư, sửa chữa.
- 12.6 Công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu Công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp.

Điều 13: Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định

- 13.1 Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình. Việc xác định tiêu chuẩn, nguyên giá và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định thực hiện theo quy định của Nhà nước.

- Mọi tài sản cố định đều phải được ghi thẻ tài sản, có hồ sơ tài sản riêng (gồm: Biên bản giao nhận tài sản cố định, hợp đồng kinh tế, hóa đơn mua tài sản cố định, dự toán, quyết toán thi công và các chứng từ có liên quan khác,...), được theo dõi trong sổ theo dõi tài sản và phải được bảo dưỡng theo đúng quy định. Tổng Giám đốc ban hành quy định quản lý, sử dụng, bảo dưỡng các loại tài sản cố định.
- Tài sản cố định được phân loại dựa theo các chỉ tiêu phân loại được quy định hiện hành. Mỗi tài sản cố định phải được quản lý theo nguyên giá, số khấu hao lũy kế và giá trị còn lại trên sổ kế toán. Những tài sản phải đăng ký quyền sở hữu thì phải thực hiện đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

13.2 Trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản:

- a. Tài sản phải được giao cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân trong Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng.
- b. Khi sử dụng tài sản của Công ty, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm:
 - Bảo quản và sử dụng tốt tài sản được giao.
 - Trường hợp phải di dời, chuyển đổi giữa các đơn vị trong Công ty hoặc ra ngoài Công ty phải do cấp có thẩm quyền (được Tổng Giám đốc phân quyền) quyết định.
 - Cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản không được tự ý thay đổi hình dạng, giá trị, vị trí, tính năng tác dụng của tài sản khi chưa được lãnh đạo đơn vị chấp thuận. Việc bảo dưỡng, cải tạo, sửa chữa tài sản thực hiện theo quy định của Công ty.
- c. Để bảo đảm an toàn cho việc sử dụng tài sản, Tổng Giám đốc xem xét và quyết định việc mua bảo hiểm tài sản quan trọng và/hoặc trích lập dự phòng rủi ro cho tài sản khi cần thiết.

13.3 Công ty lựa chọn để áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định phù hợp với điều kiện kinh doanh nhưng phải theo chế độ quản lý, sử dụng & trích khấu hao TSCĐ của Bộ Tài chính quy định. Tổng Giám đốc Công ty quyết định mức trích khấu hao cụ thể theo quy định hiện hành.

13.4 Mọi tài sản cố định của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng, nhà ở hình thành từ nguồn quỹ phúc lợi.

13.5 Mọi tài sản cố định sau khi đã khấu hao hết giá trị nếu vẫn còn sử dụng thì Công ty không trích khấu hao nhưng vẫn phải tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng như đối với tài sản cố định bình thường.

13.6 Phòng Tài chính - Kế toán phải lập bảng trích khấu hao tài sản cố định hàng tháng làm cơ sở quản lý giá trị còn lại của tài sản và tính chi phí kinh doanh.

Điều 14: Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

- 14.1 HĐQT quyết định việc thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền sở hữu và tài sản là bất động sản và quyền sử dụng đất của Công ty;
- 14.2 Tổng Giám đốc quyết định việc cho thuê các tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty nhằm mục đích khai thác hiệu suất sử dụng, tăng thu nhập theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 15: Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

- 15.1 Công ty chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, lưu động hữu hình đã hư hỏng, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn, các dự án đầu tư dở dang không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.
- 15.2 Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 15.3 Người có thẩm quyền quyết định đầu tư (theo điều lệ Công ty) có thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn, các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang tương ứng.
- 15.4 Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán Tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn với giá trị còn lại của tài sản, các khoản đầu tư dài hạn và chi phí nhượng bán được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh.
- 15.5 Thủ tục nhượng bán, thanh lý tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 16: Quản lý các khoản nợ phải thu

- 16.1 Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quản lý nợ phải thu là: Phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.
- 16.2 Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thực hiện kế toán với các khoản nợ phải thu theo chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng nợ khó đòi theo quy định. Kiểm kê, đối chiếu các khoản phải thu với khách nợ; phân loại nợ, xác định các khoản nợ khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xác định nguyên nhân, trách nhiệm các cá nhân, tập thể, báo cáo Tổng Giám đốc xử lý. Tiêu thức xác định nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

Điều 17: Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

- 17.1 Công ty thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo định kỳ hàng năm 1 lần mỗi năm (vào ngày 31/12 hàng năm); xác định chính xác số tài sản thừa, thiếu, tình hình công nợ, nợ quá hạn, nợ không thu hồi được; xác định nguyên nhân và trách nhiệm xử lý;
 - b. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - c. Sử dụng tài sản để liên doanh, góp vốn cổ phần hoặc thu hồi tài sản khi doanh nghiệp được góp vốn chấm dứt hoạt động.
- 17.2 Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Công ty.
- 17.3 HĐQT quyết định việc đánh giá lại tài sản. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm kê tài sản.

Điều 18: Xử lý khi bị tổn thất về tài sản

- 18.1 Mọi tổn thất về tài sản của Công ty phải được lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:
 - a. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể hoặc cá nhân, thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của Pháp luật và Nội quy Lao động của Công ty.

- b. Nếu tài sản bị tổn thất đã được mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;
 - c. Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp tổn thất về tài sản theo quy định của Pháp luật.
- 18.2 Giá trị tổn thất về tài sản, sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, nếu thiếu sẽ được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu sẽ được hạch toán vào chi phí bất thường trong kỳ.
- 18.3 Nếu tài sản tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể hoặc cá nhân thì đối tượng gây ra tổn thất phải bồi thường.

CHƯƠNG III

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Điều 19: Doanh thu

- 19.1 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh: là toàn bộ số tiền đã thu và sẽ thu được từ việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, bao gồm:
- a. Doanh thu hoạt động mua bán, chuyển nhượng bất động sản;
 - b. Doanh thu từ hoạt động môi giới cho thuê và chuyển nhượng bất động sản;
 - c. Doanh thu cho thuê tài sản mặt bằng, kho bãi;
 - d. Doanh thu tư vấn, quản lý bất động sản;
 - e. Doanh thu hoạt động khác đã được Sở Kế hoạch Đầu tư cấp phép được nêu trên giấy phép kinh doanh.
- 19.2 Doanh thu hoạt động tài chính
- a. Lãi tiền gửi; lãi tiền cho vay; lãi chênh lệch tỷ giá,
 - b. Lợi tức từ việc chuyển nhượng vốn và chứng khoán;
 - c. Các khoản thu từ hoạt động tài chính khác.
- 19.3 Các khoản thu nhập bất thường khác, bao gồm:
- a. Thu thanh lý, nhượng bán tài sản;
 - b. Các khoản thu tiền phạt;
 - c. Thu từ khoản đền bù tổn thất, tài sản có bảo hiểm
 - d. Nợ phải thu khó đòi đã xử lý
 - e. Các khoản thu khác.

Điều 20: Nguyên tắc xác định doanh thu

- 20.1 Doanh thu từ hoạt động mua bán, chuyển nhượng bất động sản là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ theo hợp đồng tại thời điểm bàn giao quyền sở hữu bất động sản từ Công ty cho khách hàng;

- 20.2 Doanh thu từ hoạt động môi giới bất động sản là số tiền theo hợp đồng tại thời điểm phát sinh giao dịch thành công giữa bên cho thuê hoặc chuyển nhượng và bên nhận được thể hiện bằng văn bản;
- 20.3 Đối với các khoản thu từ các hoạt động cho thuê tài sản mặt bằng, kho bãi là số tiền phát sinh trong kỳ tương ứng của thời hạn khách hàng đang thuê được thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa Công ty và khách hàng;
- 20.4 Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại, doanh thu là toàn bộ số tiền dịch vụ thu được từ cung ứng dịch vụ sau khi đã trừ đi các khoản giảm giá, dịch vụ cung ứng bị trả lại được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.
- 20.5 Kế toán trưởng Công ty thực hiện kế toán doanh thu và thu nhập khác theo quy định hiện hành; tổ chức kế toán quản trị theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập khác theo loại hình sản phẩm, dịch vụ, hợp đồng, đáp ứng cung cấp kịp thời thông tin cho việc quản lý điều hành Công ty.

Điều 21: Chi phí

- 21.1 Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí hợp lý hợp lệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của Công ty.
- 21.2 Công ty thực hiện việc phân bổ chi phí quản lý bộ máy cho theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh, dự án bất động sản và các hoạt động khác (nếu có).
- 21.3 Việc xác định, kế toán chi phí sản xuất kinh doanh để tính lãi (lỗ) tài chính và thu nhập chịu thuế trong năm tài chính căn cứ vào các chuẩn mực kế toán và các quy định về luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- 21.4 Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn gốc đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành như: các khoản chi hình thành tài sản cố định; các khoản chi mang tính chất phúc lợi; các khoản chi không mang danh đơn vị.
- 21.5 Chi phí kinh doanh của Công ty bao gồm:
- a. Chi phí giá vốn sản phẩm xuất bán trong kỳ được kết chuyển từ giá thành sản phẩm bất động sản. Giá thành dự án bất động sản bao gồm các chi phí sau:
- Chi phí liên quan đến đền bù bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc đấu giá quyền sử dụng đất của dự án sản phẩm bất động sản;
 - Chi phí tư vấn thiết kế của dự án bất động sản;
 - Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng công trình tòa nhà của dự án bất động sản;
 - Chi phí tư vấn giám sát xây dựng dự án bất động sản;
 - Chi phí thi công môi trường cảnh quan toàn bộ dự án bất động sản;
 - Chi phí lãi vay ngắn hạn, dài hạn từ việc huy động vốn để xây dựng phát triển dự án bất động sản được vốn hóa;
 - Chi phí tư vấn đo vẽ, quy hoạch, thẩm định và kiểm định hồ sơ, bản vẽ, công trình xây dựng của dự án bất động sản;
 - Các chi phí khác liên quan đến việc xây dựng phát triển dự án bất động sản.

Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm bất động sản thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công ty.

Kế toán trưởng tổ chức theo dõi chi tiết của từng loại chi phí theo từng dự án riêng biệt nhằm đảm bảo cho việc tính giá thành và kết chuyển giá vốn một cách chính xác. Đồng thời thực hiện các báo cáo phân tích, cung cấp thông tin cho công tác quản lý của Công ty.

- b. Chi phí nhân viên: là toàn bộ tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất tiền lương, các khoản trích nộp theo quy định của Nhà nước như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.
 - c. Khấu hao tài sản cố định: là chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định của Công ty trích theo quyết định của Tổng Giám đốc trong khuôn khổ quy định của Bộ Tài Chính.
 - d. Chi phí thuế, phí và lệ phí: thuế môn bài, thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, phí cầu đường, phí giao thông và các khoản có liên quan đến phí, lệ phí khác.
 - e. Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các chi phí trả cho tổ chức, cá nhân ngoài Công ty về các dịch vụ được thực hiện theo yêu cầu của Công ty như vận chuyển, điện, nước, điện thoại, sửa chữa tài sản cố định, thuê tài sản cố định, tư vấn, kiểm toán, quảng cáo, bảo hiểm tài sản, đại lý, môi giới, ủy thác xuất - nhập khẩu và các dịch vụ khác.
 - f. Chi phí khác bằng tiền: chi tiếp tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại, chi bảo hộ lao động, chi huấn luyện, bồi dưỡng tay nghề, hỗ trợ đào tạo, phí hiệp hội ngành nghề mà Công ty là thành viên tham gia, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trợ cấp thôi việc cho người lao động, chi phí đi công tác và các chi phí khác.
- 21.6 Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi trả lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, chi về hoạt động huy động vốn được phát sinh trong năm tài chính;
- 21.7 Chi phí bất thường là các khoản chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản và các khoản tiền phạt do Công ty vi phạm trong việc thực hiện hợp đồng.

Điều 22: Nguyên tắc chi và quản lý chi phí

- 22.1 Các khoản chi tiêu là số tiền phải chi trả hợp lý cho các hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật, của Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Công ty.
- 22.2 Mọi khoản chi tiêu phải bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.
- 22.3 Mọi khoản chi tiêu phải được thực hiện trên cơ sở đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ được kiểm soát và phê duyệt theo thẩm quyền quy định của Công ty, quy định của Pháp luật.
- 22.4 Các khoản chi trả lãi tiền gửi, lãi tiền vay là số lãi phải chi trong kỳ được xác định theo nguyên tắc dự chi theo quy định hiện hành.
- 22.5 Thực hiện tổ chức các biện pháp quản lý về giá trong mua bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: Đấu thầu, chào hàng cạnh tranh
- 22.6 Kế toán trưởng định kỳ phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát hiện những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

- 22.7 Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện, xây dựng qui trình cụ thể về nội dung, tài liệu chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trong quá trình thực hiện các chi phí được giao hoặc phân cấp. Đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng và đầy đủ của chứng từ chi phí.
- 22.8 Tổng Giám đốc có thể ủy quyền và phân cấp cho cá nhân trong đơn vị Công ty được quyền chi các khoản chi phí. Nội dung phân cấp, ủy quyền sẽ được Tổng giám đốc quyết định cụ thể. Người được ủy quyền hoặc được phân cấp quyền quyết định chi chịu trách nhiệm về các khoản chi trước pháp luật, Tổng giám đốc.
- 22.9 Đối với các khoản chi sai quy định, cá nhân đề xuất và quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn theo quyết định của Tổng giám đốc quyết định việc bồi hoàn.
- 22.10 Không được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ, bao gồm các khoản sau:
- Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ trợ cấp hoặc bên gây thiệt hại, cơ quan bảo hiểm đền bù;
 - Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn, phạt vi phạm chế độ tài chính và các vi phạm khác. Các khoản tiền phạt này nếu do tập thể hoặc cá nhân vi phạm pháp luật thì đối tượng vi phạm phải nộp phạt, phần tiền phạt phải nộp còn thiếu lấy từ lợi nhuận sau thuế;
 - Các khoản chi từ quỹ phúc lợi, khen thưởng;
 - Các khoản trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất, chi từ thiện, chi ủng hộ đoàn thể, xã hội, cơ quan khác, trừ các khoản chi hỗ trợ giáo dục cho bên ngoài như: Đóng góp vào Quỹ khuyến học, giúp đỡ học sinh tàn tật;
 - Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ theo chế độ quy định hoặc chứng từ không hợp pháp;
 - Thù lao trả cho sáng lập viên, thành viên của hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành kinh doanh.

Điều 23: Phân phối lợi nhuận

- 23.1 Lợi nhuận trong năm là kết quả kinh doanh của Công ty, bao gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh, lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận từ các hoạt động khác. Lợi nhuận của Công ty là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu phải thu trừ đi tổng các khoản chi phí phải trả hợp lý, hợp lệ.
- 23.2 Lợi nhuận của Công ty (sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật định) được khấu trừ các khoản theo thứ tự sau:
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, chế độ kế toán thống kê, phạt về khoản tiền lãi vay vượt hạn mức quy định của Pháp luật, các khoản chi phí khác không được khấu trừ chi phí theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Bù đắp khoản lỗ của các năm trước theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty thực hiện hạch toán các khoản lỗ (nếu có) theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
 - Các khoản tiền thù lao, tiền thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT và Ban Kiểm soát.
- 23.3 HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội cổ đông thông qua, trong đó:

- a. Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm. Quỹ này được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
- b. Trích từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ Khen thưởng Phúc lợi;
- c. Trích từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ Thường Ban Quản lý điều hành;
- d. Chia cổ tức theo mức vốn tham gia của các cổ đông;

Tuỳ thuộc vào kết quả kinh doanh và nhu cầu tái đầu tư của Công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức trích cụ thể vào các quỹ và phân chia cổ tức tại Đại hội cổ đông thường niên.

Điều 24: Nguyên tắc sử dụng các Quỹ

- 24.1 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ, mở rộng hoạt động kinh doanh.
- 24.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ dùng để bảo đảm tính an toàn cho Công ty, xử lý các trường hợp bất khả kháng.
- 24.3 Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty. Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, HĐQT quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.
- 24.4 Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty được sử dụng để thưởng Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát.... Mức thưởng do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.
- 24.5 Quỹ khen thưởng dùng để:
 - a. Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên Công ty. Mức thưởng theo quyết định của Tổng Giám đốc trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cá nhân;
 - b. Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định;
- 24.6 Quỹ phúc lợi dùng để:
 - a. Đầu tư xây dựng nhà ở cho nhân viên Công ty, hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Công ty, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành kinh doanh hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;
 - b. Chi cho các hoạt động thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên Công ty;
 - c. Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội;
 - d. Chi chế độ phúc lợi cho nhân viên Công ty theo qui định cụ thể của Công ty;
 - e. Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.
- 24.8 Tổng Giám đốc quyết định việc sử dụng Quỹ phúc lợi nhằm đem lại hiệu quả thiết thực.
- 24.9 Việc sử dụng các Quỹ trên cơ sở quy định của HĐQT và phù hợp với nghị quyết thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 25: Chế độ kế toán, thống kê

- 25.1 Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật, ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán và phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.
- 25.2 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
- 25.3 Công ty thực hiện quyết toán tài chính và chấp hành đầy đủ các quy định về báo cáo tài chính.

Điều 26: Báo cáo tài chính

- 26.1 Hàng năm, Công ty phải thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính. Việc kiểm toán do một Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện và trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 26.2 Công ty có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán nhà nước theo định kỳ quý, sáu tháng, năm như sau:
 - a. Báo cáo tài chính được gửi theo các qui định hiện hành.
 - b. Báo cáo tài chính được gửi cho các cơ quan quản lý của Nhà nước, bao gồm các tài liệu dưới đây:
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Thuyết minh báo cáo tài chính;
- 26.3 Kết thúc năm tài chính, trong thời hạn 90 ngày, Công ty phải thực hiện việc nộp và công khai báo cáo tài chính theo quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán độc lập xác nhận.
- 26.4 Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với báo cáo tài chính do Công ty lập.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 27: Trách nhiệm của HĐQT

- 27.1 Thực hiện chức năng quản lý Công ty, HĐQT trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính của Công ty;
- 27.2 Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- 27.3 Phê duyệt việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- 27.4 Quyết định việc giao dịch tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, hoặc các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- 27.5 Phê duyệt việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần và quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- 27.6 Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần của công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay ở nước ngoài;
- 27.7 Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung liên quan đến công tác quản lý tài sản và vốn thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 27.8 Kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn, tổ chức thực hiện kinh doanh theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.
- 27.9 Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty và Pháp luật.

Điều 28: Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

- 28.1 Thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 28.2 Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại;
- 28.3 Tổng Giám đốc trình lên HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như trong hoạch định của kế hoạch tài chính năm năm;
- 28.4 Xây dựng chế độ quản lý, chỉ tiêu tài chính và các định mức chi phí phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty.
- 28.5 Chịu trách nhiệm trong việc chuẩn bị các bản dự toán hàng tháng, hàng năm và dài hạn theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và bao gồm những thông tin quy định tại Quy chế này;
- 28.6 Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29: -Hiệu lực thi hành

- 29.1 Quy chế quản lý tài chính này bao gồm VI chương 30 điều có hiệu lực từ ngày ký ban hành;
- 29.2 Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các quy định tại Quy chế này.
- 29.3 Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định khác có liên quan của Công ty. Trường hợp có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật, thì đương nhiên không có hiệu lực thi hành.

Điều 30: Trách nhiệm thi hành và việc sửa đổi Quy chế

- 30.1 Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và tất cả các phòng ban trong Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
- 30.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty;
- 30.3 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2013

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN ĐẠT

Nơi nhận:

- Email: HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty, Ban TGD, Ban KSNB, GD, Thư ký TGD.
- Văn bản: PTCKT, Thư ký Công ty.
- Bản chính : PHC lưu.